TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 9 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương- là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 851/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Thị G,** sinh năm 1992.

HKTT: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Kiên Giang

Tạm trú: Ấp M, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: **Ông Nguyễn Hoàng C,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp M2, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bà G trình bày:

Bà G và ông C có tổ chức lễ cưới sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại xã M1, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Bà và ông C không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông C có 01 con chung tên Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng C trình bày:

Ông C thống nhất với phần trình bày của bà G về hôn nhân, cụ thể ông C và bà G có tổ chức lễ cưới năm 2011, sống chung với nhau từ đó cho đến nay không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay bà G yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông C và bà G có 01 con chung tên Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2016. Nếu ly hôn thì ông đồng ý để bà G trực tiếp nuôi con, ông không phải cấp dưỡng nhưng nếu có điều kiện ông vẫn phụ tiền nuôi con và cùng bà G chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dược thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thị G nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C có địa chỉ tại xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử: Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của bà G thì bà G chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông C. Ngoài ra các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của bà G.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C đều thống nhất trình bày hai bên sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 cho đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông C không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc sống chung giữa bà G và ông C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Điều 14

của Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử không công nhận bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C là vợ chồng.

Về con chung: Bà G và ông C thống nhất có 01 con chung tên Thị Thanh N, sinh ngày 20/10/2016 và thống nhất để bà G trực tiếp nuôi con, ông C không phải cấp dưỡng khi hai bên ly hôn. Thỏa thuận trên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà G đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Thị G được trực tiếp nuôi con chung tên Thị Thanh Ngân, sinh ngày 20/10/2016, giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Hoàng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà G cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà G, ông C, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003355 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Thị G đã nộp đủ án phí.

Bà Thị G và ông Nguyễn Hoàng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung